**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN KIM BẢNG**
**TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 10-9-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Đoàn và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:*** Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Kim T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đăng Th, Luật sư Công ty Luật T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Đều ở địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

(Ông T và ông Th có mặt. Anh Tr và chị H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Kim T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Đăng Th trình bày: Ông Trần Kim T và vợ chồng anh Phạm Văn Tr, chị Nguyễn Thị H có mối quan hệ quen biết từ lâu, do cần tiền để giải quyết việc gia đình nên anh Tr, chị H đã nhiều lần hỏi vay tiền của ông T và được ông đồng ý. Tổng cộng anh Tr, chị H đã vay của ông T 08 lần với tổng số tiền gốc là 600.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền thì anh Tr, chị H đều ký tên và điểm chỉ vào giấy biên nhận vay tiền, cụ thể từng lần vay như sau:

1. Lần thứ nhất: Ngày 31/01/2018 ông cho anh Tr, chị H vay số tiền 30.000.000 đồng với thời gian vay là 01 tháng, kể từ ngày 31/01/2018 đến ngày 31/02/2018, lần vay này hai bên không thỏa thuận lãi suất.

2. Lần thứ hai: Ngày 09/02/2018 ông cho anh Tr, chị H vay số tiền 100.000.000 đồng với thời gian vay là 01 tháng, kể từ ngày 09/02/2018 đến ngày 09/3/2018, lần vay này hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất.

3. Lần thứ ba: Ngày 11/02/2018 ông cho anh Tr, chị H vay số tiền 70.000.000 đồng với thời gian vay là 01 tháng, kể từ ngày 11/02/2018 đến ngày 11/3/2018, lần vay này hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất.

4. Lần thứ tư: Ngày 07/3/2018 ông cho anh Tr, chị H vay số tiền 30.000.000 đồng với thời gian vay là 01 tháng, kể từ ngày 07/3/2018 đến ngày 07/4/2018, lần vay này hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất.

5. Lần thứ năm: Ngày 14/3/2018 ông cho anh Tr, chị H vay số tiền 100.000.000 đồng với thời gian vay là 01 tháng, kể từ ngày 14/3/2018 đến ngày 14/4/2018, lần vay này hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất.

6. Lần thứ sáu: Ngày 20/3/2018 ông cho anh Tr, chị H vay số tiền 30.000.000 đồng với thời gian vay là 01 tháng, kể từ ngày 20/3/2018 đến ngày 20/4/2018, lần vay này hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất.

7. Lần thứ bảy: Ngày 25/3/2018 ông cho anh Tr, chị H vay số tiền 80.000.000 đồng với thời gian vay là 01 tháng, kể từ ngày 25/3/2018 đến ngày 25/4/2018, lần vay này hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất.

8. Lần thứ tám: Ngày 27/3/2018 ông cho anh Tr, chị H vay số tiền 160.000.000 đồng với thời gian vay là 01 tháng, kể từ ngày 27/3/2018 đến ngày 27/4/2018, lần vay này hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất.

Tuy nhiên, đến hạn thanh toán các khoản vay trên vợ chồng anh Tr, chị H không thực hiện việc trả nợ cho ông T như đã cam kết, sau đó anh chị còn hỏi vay thêm nhiều lần nữa nhưng ông kiên quyết không cho vay thêm. Ông đã nhiều lần đôn đốc nhưng cho đến nay anh Tr, chị H vẫn chưa trả cho ông đồng nào. Nay ông

T yêu cầu vợ chồng anh Tr, chị H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm, kể từ ngày 27/4/2018 đến ngày 27/4/2024 là 360.000.000 đồng, còn từ ngày 28/4/2024 đến thời điểm Toà án xét xử sơ thẩm thì ông không yêu cầu tính lãi thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn Tr và chị Nguyễn Thị H trình bày: Về các lần vay tiền, thời điểm vay, tổng số tiền vay nợ gốc là 600.000.000 đồng mà vợ chồng anh chị vay của ông Trần Kim T đúng như ông T trình bày. Tuy nhiên, do anh chị khó khăn về kinh tế nên đến nay anh chị chưa trả nợ cho ông T được đồng nào. Nay anh Tr, chị H xin trả dần khoản nợ gốc cho ông T mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng và xin không phải trả lãi suất.

Tại phiên tòa, ông Trần Kim T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016; Điều 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, Điều 6, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Văn Tr và chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền nợ lãi chậm trả phát sinh là 360.000.000 đồng tính đến ngày 24/7/2024 và tiếp tục có nghĩa vụ trả lãi khoản vay cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền vay. Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là anh Phạm Văn Tr, chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Bị đơn là anh Tr, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất xác định trong khoảng thời gian từ ngày 31/01/2018 đến ngày 27/3/2018, ông Trần Kim T có cho vợ chồng anh Phạm Văn Tr, chị Nguyễn Thị H vay tiền 08 lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng gốc, mỗi lần vay tiền thì hai bên đều viết giấy biên nhận vay tiền với thời gian vay là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất và anh Tr, chị H đều ký và điểm chỉ vào mục "Bên vay tiền", nhưng đến nay anh Tr, chị H chưa trả được đồng nào cho ông T. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định việc vay nợ và số tiền nợ giữa ông T và anh Tr, chị H mà hai bên đã trình bày ở trên là có thật.

[3] Nay ông T yêu cầu anh Tr, chị H trả ngay khoản nợ gốc 600.000.000 đồng nêu trên và phải trả khoản lãi là 10%/năm, kể từ ngày đến hạn thanh toán lần vay cuối cùng 27/4/2018 đến ngày 27/4/2024 là tròn 06 năm = 360.000.000 đồng. Còn vợ chồng anh Tr, chị H đồng ý trả nợ gốc theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng và xin không phải trả lãi.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Kim T và vợ chồng anh Phạm Văn Tr, chị Nguyễn Thị H được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các bên phải thực hiện đúng theo hợp đồng đã giao kết. Do anh Tr, chị H không thực hiện việc trả nợ đúng hạn nên đã vi phạm hợp đồng, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc anh Tr, chị H phải trả cho ông T số tiền gốc vay là 600.000.000 đồng và số tiền lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 27/4/2018 đến ngày 27/4/2024 là 06 năm với tổng số tiền lãi là 360.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Đối với số tiền lãi từ ngày 28/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể vợ chồng anh Tr, chị H phải trả cho ông T tổng số tiền gốc và lãi là 600.000.000 đồng + 360.000.000 đồng = 960.000.000 đồng nên anh Tr, chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng là 960.000.000 đồng – 800.000.000 đồng = 160.000.000 đồng x 3% = 4.800.000 đồng. Tổng cộng anh Tr, chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + 4.800.000 đồng = 40.800.000 đồng.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 155, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim T. Buộc vợ chồng anh Phạm Văn Tr, chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Kim T số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 360.000.000 đồng. Tổng cộng là 960.000.000đ (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Án phí: Anh Phạm Văn Tr và chị Nguyễn Thị H phải chịu 40.800.000đ (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản

tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thạo**